

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04 – 01 – 2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hồ Thị Út

Bà Trịnh Thị Trúc Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Thị Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Đặng Kiều T, sinh năm: 1993 (có mặt).

ĐKKH: Ấp 6, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Nơi ở hiện nay: Ấp H, xã B, huyện T, tỉnh C.

**2. Bị đơn:** Anh Thái Văn C, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Kiều T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C tự tìm hiểu và được gia đình hai

bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2013, sau đó chị T và anh C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang vào ngày 07/11/2013, hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không thể kéo dài do đó chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thái Văn C.

Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung tên Thái Đặng N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/12/2015, hiện nay đang sống chung với chị T nên chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Thái Văn C có lời trình bày: Năm 2013 anh C và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Trị A. Quá trình chung sống do bất đồng trong quan điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh và chị T đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Do đó anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh C và chị T có 01 con chung tên Thái Đặng N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/12/2015. Anh C thống nhất để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Kiều T. Nguyên đơn chị Đặng Kiều T được ly hôn với bị đơn anh Thái Văn C. Về con chung chị Đặng Kiều T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thái Đặng N. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh Thái Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Thái Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh C có yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn Thái Văn C.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Kiều T và anh Thái Văn C tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang vào ngày 07/11/2013 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[3.2] Xét nguyên nhân yêu cầu ly hôn của chị Đặng Kiều T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc và có con chung nhưng đến năm 2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị T và anh C đã ly thân kéo dài từ năm 2021 cho đến nay. Tại bản tự khai ngày 21/11/2022 anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Kiều T.

[3.3] Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung tên Thái Đặng N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/12/2015, hiện nay đang sống chung với chị T nên chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu của chị T phù hợp với nguyện vọng của cháu N và được anh C đồng ý (theo lời trình bày của anh C tại bản tự khai ngày 21/11/2022). Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Thái Đặng N cho chị Đặng Kiều T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Đặng Kiều T không yêu cầu anh Thái Văn C cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Anh Thái Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đặng Kiều T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Kiều T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Kiều T được ly hôn với anh Thái Văn C.
3. Về con chung: Chị Đặng Kiều T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Thái Đặng N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/12/2015. Chị Đặng Kiều T không yêu cầu anh Thái Văn C cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh Thái Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Đặng Kiều T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Chị T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0004510, lập ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công tại tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- UBND xã Long Trị A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Đình Tiến**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Út   -   Trịnh Thị Trúc Linh**

**Nguyễn Đình Tiến**